

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 773/2009/NQ-
UBTVQH12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, cơ quan trực thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Quy chế hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; Quy chế hoạt động của đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội;

Xét Tờ trình của Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Tài chính;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về một số chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan trực thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội.

Điều 2. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan trực thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và các cơ quan, tổ chức hữu quan theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 và thay thế Nghị quyết 1157/NQ-UBTVQH11 ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XI.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Tòng Thị Phóng

QUY ĐỊNH

VỀ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU TÀI CHÍNH PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI, CÁC CƠ QUAN CỦA QUỐC HỘI, VĂN PHÒNG QUỐC HỘI, CÁC CƠ QUAN TRỰC THUỘC ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 773/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 31 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan trực thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các Ban, Viện nghiên cứu lập pháp thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội phải có trong dự toán được giao, đảm bảo thống nhất chế độ, định mức chi, đối tượng chi trên cơ sở các quy định tại Nghị quyết này và các quy định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các Ban, Viện nghiên cứu lập pháp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội chịu trách nhiệm trong quản lý và sử dụng kinh phí được phân bổ, đảm bảo sử dụng có hiệu quả, công khai, minh bạch, thực hiện tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

3. Các đoàn công tác của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các Ban, Viện nghiên cứu lập pháp của Ủy ban thường vụ Quốc hội đến địa phương công tác; đại biểu Quốc hội ở địa phương tham gia các hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các Ban, Viện nghiên cứu lập pháp của Ủy ban thường vụ Quốc hội và đại biểu Quốc hội dự kỳ họp Quốc hội, hội nghị do Ủy ban thường vụ Quốc hội triệu tập được thực hiện như sau:

a) Các đoàn của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các Ban, Viện nghiên cứu lập pháp của Ủy ban thường vụ Quốc hội đến địa phương công tác thì toàn bộ chi phí do các đoàn công tác đảm bảo.

b) Đại biểu Quốc hội ở địa phương được mời tham gia các hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các Ban, Viện nghiên cứu lập pháp của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì chi phí cho đại biểu trong thời gian công tác (tiền ăn, ở và các khoản chi khác) do cơ quan, đơn vị tổ chức, triệu tập đảm bảo; chi phí đi lại do Đoàn đại biểu Quốc hội chi.

c) Đại biểu Quốc hội dự kỳ họp Quốc hội, hội nghị do Ủy ban thường vụ Quốc hội triệu tập thực hiện theo chế độ kỳ họp, hội nghị.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chi cho công tác thẩm tra dự án luật, pháp lệnh

Chi cho công tác thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết do các cơ quan, tổ chức trình Quốc hội, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội; dự thảo báo cáo thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội bao gồm các khoản chi, với mức chi tối đa dưới đây.

Căn cứ phạm vi, tính chất và mức độ phức tạp các dự án luật và nguồn kinh phí được giao, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp, đảm bảo không vượt quá mức tối đa và trong phạm vi dự toán được giao.

1. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra; báo cáo giải trình, tiếp thu các dự án luật, pháp lệnh:

- Đối với dự án Luật, pháp lệnh: 2.500.000 đồng/ báo cáo.
- Đối với dự án Luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung: 2.000.000 đồng/báo cáo.
- Thẩm tra dự thảo các văn bản có chứa quy phạm pháp luật của Quốc hội do các cơ quan được giao trình: 1.000.000 đồng/báo cáo.

2. Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra, cho ý kiến về báo cáo nội dung cần tập trung thảo luận, báo cáo giải trình, tiếp thu dự án luật do các cơ quan của Quốc hội tổ chức:

- Người chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên dự họp (có giấy mời): 100.000 đồng/người/buổi.
- Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ cuộc họp như sau:
 - + Phục vụ trực tiếp: Là những cá nhân tham gia thực hiện những công việc như: chuẩn bị tài liệu, thư ký, viết báo cáo và những công việc khác phục vụ cuộc họp: 50.000đồng/người/buổi.
 - + Chi cho viên chức phục vụ gián tiếp (lái xe, bảo vệ lãnh đạo, nhân viên lễ tân phục vụ nước, tạp vụ): 30.000 đồng/người/buổi
- Chi viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia thẩm định dự án luật: 500.000 đồng/bài

3. Chi cho việc chuẩn bị nội dung cần tập trung thảo luận cho ý kiến về các dự án luật, pháp lệnh:

Mức chi: 600.000 đồng/dự án luật; 300.000 đồng/dự án luật sửa đổi bổ sung.

4. Chi cho việc tổng hợp, tập hợp ý kiến các Đoàn đại biểu Quốc hội, các cơ quan hữu quan, ý kiến nhân dân tham gia đóng góp ý kiến về dự án luật, pháp lệnh: 2.000.000 đồng/ dự án luật; 1.000.000 đồng/dự án luật sửa đổi bổ sung.

5. Chi cho việc rà soát kỹ thuật, hoàn thiện văn bản luật, pháp lệnh, nghị quyết đã được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua: 800.000đồng/văn bản hoàn thành.

6. Chi cho việc soạn thảo báo cáo, tờ trình về dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các văn bản khác của Đảng đoàn Quốc hội trình cấp có thẩm quyền: 800.000 đồng/văn bản hoàn thành.

7. Chi cho việc tập hợp, tổng hợp ý kiến của các đại biểu Quốc hội phát biểu tại tổ, tại hội trường: 50.000 đồng/người /buổi.

Điều 4. Chi cho công tác thẩm tra khác

Chi cho việc thẩm tra khác bao gồm thẩm tra về kinh tế xã hội, thẩm tra dự toán ngân sách nhà nước, thẩm tra quyết toán ngân sách nhà nước và các thẩm tra chuyên ngành khác.

Nội dung chi và mức chi cho công tác thẩm tra các báo cáo trên áp dụng như đối với thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh, quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

Riêng mức chi cho các báo cáo thuyết trình tại kỳ họp Quốc hội thì được chi với mức chi của báo cáo thẩm tra đối với dự án luật sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 5. Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật

Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật bao gồm các khoản chi cho các tổ chức, cá nhân để nghiên cứu, tham gia ý kiến với các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội về các dự án luật, pháp lệnh; chi tổ chức các cuộc họp để lấy ý kiến của các ban, ngành ở Trung ương, địa phương, các chuyên gia tham gia vào các dự án Luật sẽ trình Quốc hội cho ý kiến hoặc thông qua tại các kỳ họp Quốc hội. Mức chi tối đa như sau:

1. Chi cho các tổ chức, cá nhân nhận dự án luật nghiên cứu góp ý bằng văn bản:
 - Đối với dự án Luật: 2.500.000 đồng/1dự án (đối với mỗi tổ chức); 700.000 đồng/1dự án (đối với mỗi cá nhân).
 - Đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung: 2.000.000 đồng/1dự án (đối với mỗi tổ chức); 500.000 đồng/1dự án (đối với mỗi cá nhân).